

THĂM “NHÀ MẢ” BA NA VÀ GIA RAI*

Một chuyến đi thôi. Chỉ không đầy hai tháng. Mà đã bảy năm nay rồi. Nhưng tôi cứ nhớ mãi...

Người đưa tôi đi lần ấy là anh Trần Phong, một nhà nhiếp ảnh của Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Gia Lai - Kom Tum(1). Bấy giờ anh còn trẻ lắm. Nhưng vốn đã ở đây từ tấm bé, anh thuộc đường đi lối lại, biết đâu có “nhà mả” đẹp(2)... Và cứ thế, anh dắt tôi đi hầu khắp tỉnh, đến nhiều vùng cư trú của người Ba Na và người Gia Rai(3). Ngày, lần lượt thăm các nghĩa trang làng khác nhau, có khi khá xa nhau. Đêm, về ngủ nhà dân ở đâu đó, để uống “rượu cần”(4) và hỏi chuyện các cụ. Trần Phong có nhiệm vụ rõ ràng: chụp ảnh “nhà mả” cho Sở Văn hóa Thông tin. Còn tôi, được Sở cho phép, chỉ theo Phong, có thể nói là chỉ đi chơi, văn chương hơn một tí là đi “thưởng thức”...

Nói vậy, để bạn nào đang cầm cuốn sưu tập trong tay thông cảm cho rằng tất cả ở đây là số ảnh do Trần Phong chụp, được chọn ra từ rất nhiều ảnh khác của anh. Còn như “lời giới thiệu” ngắn gọn này chẳng qua chỉ là vài cảm giác của người được may mắn theo Phong trong chuyến đi năm ấy.

“Cảm giác” đầu tiên, mà cũng là cảm xúc tổng hợp qua cả chuyến đi, nhất là đối với một người như tôi, trước đây chưa hề gặp “nhà mả” của các tộc Thượng, có thể được tóm vào một chữ: Đẹp. Đẹp “viết hoa”. Đẹp lạ! Cái đẹp trong mối tương quan vừa

đôi lập vừa *hài hoà* giữa nghệ thuật của con người và thiên nhiên còn ít nhiều hoang dã bao quanh.

Chỉ cần xem vài ảnh mẫu của cuốn sưu tập này, trong đó “nhà mả” dù Ba Na hay Gia Rai, được người chụp ảnh ghi lại trong thế tạm gọi là “hoàn chỉnh” của nó, tôi muốn nói không thiếu chi tiết lớn nào, là đã có thể bước đầu mừng tượng ra cái Đẹp ấy. Những mảng mái nhà trắng hay vàng nhạt, có khi chứa đầy đồ án, thường là hình học, có khi đan, có khi vẽ, loé lên vừa phải giữa màu xanh đơn điệu của rừng cây. Những cột gỗ khá cao, với gân suốt thân nhiều hình trang trí, hoặc vẽ, hoặc khắc, có khi được tạo thành khối, vượt qua mái nhà nhiều, tưởng như muốn chọc lên trời xanh, nhưng cuối cùng lại êm đềm dung thân dưới vòm cây lá. Rồi thì những tượng gỗ bao quanh, ngoài mái “nhà mả”, dù là đôi trai gái, người ôm mặt khóc, kẻ bế con hay già gạo..., đó là chưa nói đến những tượng mới ra đời gần đây, như người mặc Âu phục, có khi đi xe gắn máy, thậm chí anh bộ đội: dù là tượng tạo, từng pho vẫn có thể được người xem dựa vào hình thể đã ra đời dưới tay người nghệ sĩ, mà quy nó về khối thân cây tròn vốn là chất liệu ban đầu. Nghệ thuật ra đời từ thiên nhiên, vượt lên thiên nhiên, nhưng ở đây, cuối cùng lại trở về với thiên nhiên, hoà vào thiên nhiên...

Để rồi đây đi vào đôi đồ án trang trí, mong từ đó tạo ra được một ý niệm ban đầu về những gì mà người Ba Na và người Gia Rai gán cho “nhà mả”, cho đám tang, cho cái Chết và cái Sống, hãy nói một lời về lễ thức tang ma. Một lời hết sức ngắn gọn, không phải vì không đủ chỗ để viết, mà bởi vì tôi chỉ biết có thể thôi, qua vài đêm lắng nghe các cụ nói về tang lễ Ba Na.

Người Ba Na tin rằng từng người sống, dù nam hay nữ, đều có hồn (*pongol*): một hồn chính ở trên đầu, nơi xoáy tóc; một hồn phụ ở trước trán; một hồn phụ khác ở bên trong cơ thể. Con

người chết đi, sác được chôn vào “nghĩa trang” làng (*bxat*), một cánh rừng nhỏ tiếp sát khu vực cư trú, mà người ta gọi là “làng ma mới” (*ploi atâu nao*)(5). Thoát khỏi xác, ba hồn cũng ở lại “nghĩa trang”, nhưng chỉ vài tháng sau hồn phụ đã tan ra thành sương móc. Như vậy, tinh linh của người chết, hay “ma” (*atâu*), chỉ gồm mỗi một hồn chính.

Dù sao, “làng ma mới” không phải là nơi vĩnh viễn dành cho người chết. Đây chỉ là một trạm dừng chân, vẫn trong thế gian này thôi, tuy ngoài làng dành cho người sống. Vì chỉ sau chôn cất được một năm, có khi hơn thế(6), người chết mới ra đi một chuyến dài, lần này để vĩnh viễn đến cư trú tại “làng ma” (*ploi atâu*), mà người Ba Na cũng gọi là “cửa tối” (*mang lung*), thế giới của người chết. Đó là dịp người sống làm lễ “bỏ ma”. Và qua lễ này nổi bật lên vai trò của ngôi “nhà ma”, mà tôi được Phong dắt đi xem cách đây đã bảy năm..

Cũng như “bỏ mả”, từ “nhà mả” chỉ là một hiểu lầm của người Kinh: người Ba Na bảo rằng đây là “nhà ma” (*hnem atâu*). Thực ra, không phải chờ đến lễ “bỏ mả”, nơi chôn người chết mới được che chắn bằng một ngôi nhà. Ngay từ khi mới chôn người thân xuống một mảnh đất nhỏ thuộc “nghĩa trang” làng, người ta đã che ngôi mộ bằng một nóc nhà đơn sơ nhưng chắc chắn, và bao quanh mảnh đất ấy là một hàng rào đủ vững chắc để ngăn thú hoang vào phá phách. Rất tiếc rằng cho đến nay tôi vẫn chưa biết ngôi nhà đó mang tên gì, và có đeo đuổi mục đích tôn giáo nào không, ngoài chức năng che mưa che nắng. Dù sao, “nhà ma” thực sự, với đầy đủ các chi tiết trang trí của nó, chỉ ra đời ngay trước lễ “bỏ ma”, nhằm thay thế ngôi nhà cũ. Mà không phải chỉ ra đời dưới tay người của người gia đình chịu tang: có thể nói rằng đây là công trình tập thể, trong chừng mực mà vẽ, đan, dệt, tạc đều đòi hỏi sức đóng góp của những người khéo tay

trong làng, đôi khi cả một số người khác được mời từ vài làng lân cận đến.

Chẳng có thể nói nhiều về lễ “bỏ ma”, mà tôi chỉ được dự có mỗi một lần trong hai tháng đi năm ấy. Có nghe các cụ nói điều gì, tôi sẽ cố tóm lại bằng một hai câu. Còn như giờ đây, để chuẩn bị đi vào “nhà ma”, nếu có cần cũng chỉ cần một ý rất chung thôi: “bỏ ma” không chỉ là lễ, mà còn là hội, hội - lễ lớn nhất của người Ba Na có lẽ, và vì là hội nên thời gian “bỏ ma”, trước kia có thể kéo dài đến năm ngày đêm hoặc hơn nữa, lại là dịp lớn để cho số đông người dự hội biểu diễn nghệ thuật: ca - múa - nhạc...

Một chi tiết mới chẳng quan trọng mấy, mà đến nay vẫn chưa được xác minh cho chắc, nhưng lại có thể liên quan đến ý nghĩa của nghi lễ: theo lời một vài cụ, có thời (?) mà các đêm “bỏ ma” chính là những đêm hoàn toàn tự do đối với trai gái chưa vợ chưa chồng. Và cuối cùng, một hiện tượng ngỡ như đầy mâu thuẫn. “Nhà ma” được dựng lên trước lễ “bỏ ma” với bao công phu như ta vừa thấy, nhưng lại bị “bỏ” đi ngay từ khi vừa kết thúc, không còn được người nhà chăm lo bảo dưỡng: mái sập, rào xiêu, cột ngã, hoa văn mờ đi..., mặc, cho đến khi toàn bộ kiến trúc ấy tiêu tan hẳn. Ta sẽ còn dịp quay về trong chớp nhoáng với hai mâu thuẫn vừa nêu, sau khi đã điếm qua vài đồ án trang trí trên “nhà ma”.

Hơn một tháng đi, ngày nào cũng xem, cũng ngắm, tuy hỏi được ít thôi, như thế hoàn toàn chưa đủ để từ đấy rút ra tí gì về ý nghĩa của hoa văn đã gặp. Có thể nói lên cảm xúc tại chỗ, cũng có thể tạm đưa ra một bảng thống kê các đồ án khác nhau, còn như ý nghĩa, trước hết là ý nghĩa tôn giáo, thì...! Mà thiếu nó, còn làm sao hiểu được “nhà ma” trong khung của tang lễ? Nói thế, để người đọc thông cảm cho rằng những gì tôi viết ra ngay sau đây chỉ là cảm giác ban đầu.

Chỗ tập trung hoa văn nhiều nhất trên “nhà ma”, cả Gia Rai và Ba Na, theo tôi là đường nóc.

Trong trường hợp Ba Na, trên đường ấy, một đồ án hình học thường hiện lên ở vị trí trung tâm, có khi ở nhiều nơi, đặc biệt hai đầu nóc: đó là một vòng tròn, thường thủng ở giữa, bao quanh là những tia nhỏ. Chỉ nhìn qua thế thôi, dù chưa kịp hỏi han gì, ai cũng có thể tạm đoán rằng đó là hình mặt trời: mà quả thế thực, người Ba Na gọi đồ án này là “mặt trời” (*mặt anar*). Trong không ít trường hợp, kèm theo “mặt trời” là một hay nhiều hình liềm, mà người bản địa gọi là “mặt trăng” (*mặt khoi*)(7).

Cũng gắn với đường nóc, mặt trời còn hiện lên dưới một dạng có phần khác. Từ hai đầu cùng của đường ấy, nhô ra ngoài những mảnh gỗ có phần cong và vểnh lên, đôi khi vểnh lên như thẳng đứng, thường mang tên “tia mặt trời” (*xđrăng mặt anar*), vì kết thúc mỗi mảnh ấy là vòng tròn có tia đã nói trên, có điều rằng các tia này không tự hạn chế quanh vòng, mà còn được cắm vào dọc hai đường biên của mảnh gỗ (8), khiến người xem có cảm giác đang đứng trước một con vật bò sát lớn: mà quả thế thực, vì tên gọi “tia mặt trời” có khi được thay bằng một từ kếp khác, “đuôi rồng” (*tiông prao*).

Ngoài “mặt trời”, và đôi khi cả “mặt trăng”, đường nóc của “nhà ma” Ba Na còn phô ra một số hoa văn hình học nữa, mà tôi ngờ cũng là “mặt trời”, dù cho chúng mang tên khác. Trong số ấy, nổi bật nhất, vì gắn với hình mặt trời nhất, là ba đồ án sau đây: “khiên”(9) (*khêl*); “hoa mướp”(9) (*pkao diêm*); “lón”, hay “chính” (*brông*).

“Nhà ma” Gia Rai (*xang atâu*)(10) có thể đa dạng hơn, so với cũng ngôi nhà ấy của người Ba Na. Càng đa dạng, khi mà một mộ thôi có thể là nơi chôn nhiều người chết. Còn về trang trí

trên đường nóc, thì trong trường hợp Gia Rai lại có những cảnh sinh hoạt của con người, chủ yếu cảnh uống rượu cần, mà ngôi nhà Ba Na có thể ít có hơn. Nhưng khác biệt chính giữa hai bên, theo tôi, lại là mặt trời không hề có mặt trong kho trang trí Gia Rai. Qua chuyến đi ngắn này theo Phong, tôi đã một lần bắt gặp trên đường nóc “nhà ma” Gia Rai một vòng tròn nhỏ có tia bao quanh: một người địa phương tình cờ qua nghĩa trang vào lúc ấy cho biết rằng đó là “mặt trời” (*hroi*). Nghe nói có một số trường hợp tương tự tại những vùng tiếp xúc giữa hai tộc. Ngoài ra, “tia mặt trời” Ba Na (*xđrăng mặt anar*) cũng có mặt trong kiến trúc thuộc nghĩa trang Gia Rai, dù mang tên khác: tên “(rau) giơng” (*ktoanh*), khi nhô ra từ đầu cùng của đường nóc “nhà ma”; tên “tay thần” (*tngan yang*), khi xuất hiện thành nhiều cặp trước phần cao của thân cột lễ(11).

Dù sao, giữa hai đồ án “mặt trời” và “mặt trăng” của người Gia Rai, thì “mặt trăng” là chính yếu, và phô ra hai dạng “trăng khuyết” (*mlan bang*) và “trăng tròn” (*mlan tmi*). Nó có ở những ba nơi: trên đường nóc “nhà ma”; trên cột lễ chính nhô lên cao từ giữa đường nóc; và đôi khi cả trên các cột phụ ứng với bốn góc của đường cạnh của ngôi nhà(12).

Một chi tiết chung cho cả Ba Na và Gia Rai: trên đường nóc hoặc trên mái của ngôi “nhà ma”, thường xuất hiện, có khi đôi ba lần, một hình tượng đơn giản, nhưng là loại một đường, với chiều ngang khá dày, đều đặn cong lên cong xuống vài lần. Đồ án ấy, người cả hai tộc đều gọi là “thân (con) trăn” (Ba Na: *khăn tung*; Gia Rai: *khăn đong*).

Mặt trời hay mặt trăng nói lên thế giới bên trên của vũ trụ, con trăn, vật bò sát, là biểu tượng của thế giới bên dưới. Sự có mặt da diết của cả “mặt trời” - “mặt trăng” và “thân trăn” trên các kiến trúc gắn với nghĩa trang Gia Rai và Ba Na khiến tôi ngỡ

rằng những đồ án trang trí ở đây muốn nhắc lại một quan niệm cổ truyền về vũ trụ, từ đó hẳn có thể lọc ra một số điểm tương đồng giữa cách nhìn của hai tộc người. Càng thế, khi mà trên “nhà ma” kiểu mái cao của người Gia Rai, thường hiện lên hình vẽ một cây to, khó phân định, mà tôi cứ tạm cho là cây vũ trụ(13).

Còn cột lễ chính, mà tôi chưa hề được các cụ giảng cho một lời, phải chăng đấy cũng là trục vũ trụ, trong chùng mực mà thân nó chia ra, trên phần cao, những cặp hình mặt trời (“tia mặt trời”, hay “cánh tay thần”)? Trong một trường hợp duy nhất, khi theo Phong ghé vào một nghĩa trang Gia Rai, tôi đã mừng rỡ nhận ra một vùng trăng lưỡi liềm trên đỉnh cao của cột ấy.

Vũ trụ cổ truyền được nhắc lại trong đám tang, giữa cảnh chết. Điều đó không có gì lạ, trái lại, phổ biến hầu khắp mọi tộc. Vì đám tang không chỉ là Chết, mà là Sống nữa. Người Mường ở miền Bắc nước ta, chẳng hạn, tin rằng người chết lại quay về tuổi thơ, và chính vì thế mà trong một số trường hợp, gia đình chịu tang phải treo một đồ chơi trước bàn thờ người vừa mất(14). Hơn thế nữa, theo họ, người ấy còn phải lên trời chịu một lần xét xử của “Vua trời”, trước khi vĩnh viễn về nơi cư trú cuối cùng của mình. Như vậy, cõi Chết vẫn liên quan đến cõi sống, còn liên quan đến các vùng khác ngoài trần thế. Không lạ rằng “Đẻ đất đẻ nước”, một tang ca lớn của người Mường, lại dành phần mở đầu cho việc kể lại, chuyện khai thiên lập địa vào buổi khởi nguyên của vũ trụ, qua đó mà có dịp dẫn ra một số thế giới khác nhau. Còn về các tộc Thượng, trong số đó có người Ba Na và người Gia Rai, thì các nhà nghiên cứu của ta, từ 1975 đến nay, chưa đi vào khía cạnh này trong cuộc sống của họ. Dù sao, ít nhất ta cũng biết rằng, dưới mắt các tộc ấy, có hai thế giới đối lập, nhưng vẫn song song với nhau: một dành cho người sống, và

một cho người chết. Đó là chưa nói đến một quan niệm của người Ba Na, mà có nhà nghiên cứu thời trước đã đưa ra: người chết bất đắc kỳ tử bị thân linh bắt về thế giới bên trên làm tôi tớ cho các vị(15).

Cái chết, như vậy, chỉ là một trong những nhát cắt nhỏ liên tục nối tiếp nhau trên dòng sông bất tận. Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên, nếu như những đêm “bỏ ma”, ít nhất cũng theo lời một vài cụ, từng là những đêm hoàn toàn tự do, như ta đã biết, đối với trai gái chưa vợ chưa chồng: đây là thời điểm giao thoa giữa Chết và Sống, từ Chết trở về với Sống, giữa cảnh chết mà chuẩn bị cho cuộc sống. Cũng như vậy, về đôi nam nữ trần trường thường chiếm vị trí quan trọng nhất giữa các tượng gỗ bao quanh “nhà ma”.

Chi tiết cuối cùng mà các cụ cho biết có thể giúp ta hiểu thêm “nhà ma” và hội lễ “bỏ ma”. Trong những ngày đêm hội lễ, mọi người, kể cả các cụ già, đều vui chơi nhảy múa, chỉ mỗi một người không được tham gia vào đó: chồng góa hay vợ góa của người chết. Phải chờ đến chiều ngày cuối, sau khi đã được các cụ làm lễ tẩy uế cho, qua một cuộc tắm rửa bên bờ suối, người ấy mới được kể như không còn gắn bó gì với người đã mất nữa, và bắt đầu có mặt lại trong cuộc vui chung. Rồi lễ hội kết thúc. Người chết ra đi về thế giới khác. “Nhà ma” bị “bỏ” ngay từ lúc đó. Chính vì thế mà tôi ngờ rằng kiến trúc ấy, với bao chi tiết cầu kỳ, cả với số của cải có giá trị mà người sống chia cho người thân của mình đã mất, từ phút hội lễ chấm dứt, không còn được xem là vật thể của thế gian nữa, trái lại, chỉ còn là hình ảnh của nơi người chết đến cư trú ở thế giới bên kia. Nó đã cùng người chết về thế giới bên kia (!?!).

Như đã nói từ đầu, trên đây chỉ là vài “cảm giác” dấy lên từ chút ít thấy được, nghe được, qua một chuyến đi chơi ngắn

ngày. Tôi chưa hề có ý định viết lên thành lời. Nhưng cách đây vài hôm, Phong bất ngờ xuất hiện giữa nhà tôi vào một sáng chủ nhật. Anh mới ở Gia Lai ra. Bắt tay tôi, anh nói ngay: Sờ, và cả anh nữa, muốn tôi viết một lời giới thiệu ngắn cho cuốn sưu tập ảnh sắp ra đời về “nhà mả” Ba Na và Gia Rai. Tôi bàng hoàng... biết gì mà viết? Phong vừa cười, vừa ngồi xuống, nhắc lại yêu cầu. Tôi bỗng hiểu ra. Và tôi nhận lời. Là một nghệ sĩ, mà tác phẩm thấy đều ra đời từ cảm hứng dồn nén bên trong, anh muốn người viết lời giới thiệu cho ảnh của mình cũng ra đi chỉ từ cảm hứng...

* Lời giới thiệu cuốn sách ảnh *Nghệ thuật điêu khắc nhà mồ và tượng mồ Tây Nguyên* của Trần Phong.

1. Sau chủ trương phân từng tỉnh lớn thành nhiều tỉnh bé, Gia Lai - Kom Tum nay đã trở thành hai tỉnh: tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum.

2. “Nhà mả” (tức “nhà mồ”) chỉ là cách gọi của người Kinh sống trên đất Thượng, nhằm chỉ ngôi mộ của người bản địa, với mái che, cột lễ, tượng người... tất cả thường phô ra nhiều đồ án trang trí.

3. Đây là hai tộc đông người nhất trong tỉnh Gia Lai - Kom Tum. Người Gia Rai nói một ngôn ngữ thuộc hệ Nam Đảo, vốn sống thành gia đình lớn trong từng nhà dài, còn người Ba Na thì nói một ngôn ngữ thuộc hệ Nam Á, sống thành gia đình nhỏ trong từng ngôi nhà ngắn. Và cũng như hầu hết mọi tộc Thượng ở Trường Sơn và Tây Nguyên, mới cách đây chưa lâu người Ba Na và người Gia Rai còn chủ yếu sống bằng nông nghiệp nương rẫy, còn tổ chức xã hội cơ bản của họ là làng.

4. Cách nói của người Kinh ở vùng Thượng để chỉ loại rượu có lẽ là duy nhất phổ biến khắp mọi tộc ở đây. Gạo hay một chất bột khác được cho lên men trong một ghè (vò) lớn đậy kín. Khi uống, người ta đổ nước lã vào vò, nhiều người ngồi bao quanh, mỗi người ngậm vào đầu một

chiếc “cần” mà hút rượu vào mồm. Chỉ nhẹ như bia thôi, “rượu cần” cũng là một trung tâm thu hút người trong các lễ hội, và cả các cuộc vui thể tục.

5. *Atâu* là tinh linh, hay “ma”. Cũng nghĩa ấy, nhưng tại vùng Kon Tum, lại được người Ba Na chỉ bằng một từ khác *kiak*, và “làng ma mới” trở thành *plai kiak nao*. Nhưng phổ biến hầu khắp mọi vùng Ba Na là từ *atâu*.

6. Với người Gia Rai, thời gian này thường kéo dài đến ba năm, thậm chí hơn thế.

7. Có những trường hợp cạnh trăng lưỡi liềm đứng một mình, nghĩa là không có mặt trời kèm theo, còn có cả trăng tròn nữa, mà hình tượng mỹ thuật chỉ là một vòng tròn đơn giản, không tia. Trong hoàn cảnh ấy, người Ba Na phân biệt cách gọi hai hình: “trăng khuyết” (*khai thang*), và “trăng tròn” (*khai pônil*).

8. Trên phần cao của thân cột lễ chính trong từng “nhà ma” Ba Na, cũng có những mảnh gỗ tương tự vươn đàng đối nhau ra hai bên thành từng cặp. Cột này mang tên “cột tia mặt trời” (*jrăng xơrăng mặt anar*).

9. Khiên, hay mộc, loại vũ khí tự vệ cổ, là một tấm tròn hay dài làm bằng chất cứng, mà người chiến binh xưa cầm trong tay để che chắn thân thể khi giao chiến, nhằm gạt các nhát chém hay đâm của kẻ địch.

10. *Atâu* đều được cả người Ba Na và người Gia Rai dùng để chỉ tinh linh của người chết. Ngoài hải đảo, ví như ở Indônêxia, nghe nói một số tộc nói tiếng Nam Đảo lại dùng từ *tâu*, cũng để chỉ tinh linh. Vì người Gia Rai nói tiếng Nam Đảo, trong khi người Ba Na nói tiếng Nam Á, nên ta có thể tạm giả thiết rằng người Ba Na đã tiếp thu từ *atâu* từ tiếng Gia Rai (xem chú thích 5).

11. Xem lại chú thích 9.

12. Trong phạm vi từng “nhà ma” Ba Na, cơ bản là hai cột lễ, một chính và một phụ. Cột chính, như ta đã biết, mang tên “cột tia mặt trời” (xem lại chú thích 9). Còn cột phụ, tuy cũng có “tia mặt trời”,

nhưng lại thấp hơn cột chính, và chủ yếu là nơi người nhà đặt ghè (vò) rượu để cúng: vì thế, nó được gọi là “cột rượu tia mặt trời”(*jräng sil xđäng măt anar*).

Còn trong trường hợp “nhà ma” Gia Rai, thì có hai loại cột lễ, như vừa nói trên: một cột chính *kut*; và nhiều cột phụ thấp hơn, mà người bản địa gọi là *klao*.

13. Thần thoại, tức tích truyện kể lại buổi sinh thành của trời đất, rồi của con người, mà hầu hết mọi tộc đều có, gồm hai phần: thần thoại vũ trụ, và thần thoại văn hóa. Theo phần thứ nhất, thần thoại vũ trụ, thì khi trời đất đang ra đời, thường xuất hiện một cây to, mà ngọn là hình ảnh của thế giới thấp nhất dành cho những thực thể gắn với đất hay với nước. Cây ấy được các nhà thần thoại ước gọi là cây vũ trụ. Trong các biểu hiện thờ cúng thần linh ở một số tộc, thường có nghi lễ dâng vật tấu lên các cụ, mà nơi diễn ra là một cột lễ rất cao: đấy cũng là một thứ cây vũ trụ, và được nhiều nhà dân tộc học ước gọi là cột vũ trụ. Cột lễ đâm trâu, với hình mặt trời trên đỉnh, mà người Ba Na gọi là *gâng* hay *gol*, có khả năng thuộc loại cột ấy.

14. J. Cuisinier, *Les Mường. Géographie humaine et sociologia* (Người Mường - Địa lý nhân văn xã hội học) - Paris, Viện Dân tộc học, tr.463 - 466, và hình vẽ 79 (tr.465).

15. Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đông Chi, *Mọi Kontum*, Huế, *Imprimerie du Mirador*, 1937, tr.34 - 37. Theo hai tác giả, thì người chết bất đắc kì tử bị bắt về thế giới bên trên theo đường dải Ngân Hà.